

Số: /TM-KSBT

Hải Phòng, ngày tháng năm 2025.

THƯ MỜI BÁO GIÁ

(Hóa chất, vật tư xét nghiệm nước, thực phẩm, không khí dịch vụ của Trung tâm
Kiểm soát bệnh tật thành phố Hải Phòng)

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Hải Phòng có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo xây dựng giá hàng hóa, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà cung cấp gói mua sắm hóa chất, vật tư xét nghiệm nước, thực phẩm, không khí dịch vụ với nội dung như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Hải Phòng.
Số 84 Nguyễn Tất Tố, phường Lê Chân, Hải Phòng.

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá: Khoa Dược
- Vật tư y tế, Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Hải Phòng;

SĐT: 0225.3842.878, Email: duoc.cdchp@gmail.com

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

- Nhận trực tiếp tại địa chỉ: duoc.cdchp@gmail.com

- Nhận qua email: duoc.cdchp@gmail.com

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 14h ngày 08 tháng 10 năm 2025, đến trước
17h ngày 18 tháng 10 năm 2025.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày từ ngày 18 tháng 10
năm 2025.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục chi tiết tại phụ lục kèm theo.

2. Địa điểm cung cấp: Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Hải Phòng.

3. Thời gian thực hiện hợp đồng: 100 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

Vậy Trung tâm kiểm soát bệnh tật thành phố Hải Phòng kính mời các đơn vị gửi báo giá trong thời gian và địa điểm nêu trên.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Đăng tải trên HTMĐTQG;
- TTGDSK (đăng tải trên website đơn vị);
- HĐMS; TCKT; XN;
- Lưu: VT, D-VTYT.

GIÁM ĐỐC

Đồng Trung Kiên

PHỤ LỤC I: DANH MỤC HÀNG HÓA

(Kèm theo Thư mời báo giá số /TM-KSBT ngày tháng năm 2025 của Trung tâm Kiểm soát Bệnh tật thành phố Hải Phòng)

STT	Danh mục hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật hoặc tương đương	Quy cách tham khảo	ĐVT	Số lượng
1.	Dung dịch nước đệm pepton (BPW)	Thành phần (g/l): Pepton 10; natri clorua 5; Na ₂ HPO ₄ ·12H ₂ O 9, kali dihydro phosphate 1.5	Chai 500g	Chai	2
2.	Thạch TBX	Thành phần (g/l): Peptone 20; Bile Salts No. 3 1.5; BCIG 0.075; Agar 9-18	Chai 500g	Chai	2
3.	Canh thang lauryl sunfat	Thành phần (g/l): - Enzymatic Digest of Animal and Plant Tissues 20 - Lactose 5 - Sodium chloride 5 - K ₂ HPO ₄ 2.75 - KH ₂ PO ₄ 2.75 - Sodium lauryl sulphate 0.1	Chai 500g	Chai	1
4.	Thạch DRBC (Thạch dichloran-rose bengal chloramphenicol)	Thành phần (g/l): Enzymatic digest of animal and plant tissue 5; C ₆ H ₁₂ O ₆ 10; KH ₂ PO ₄ 1; MgSO ₄ ·H ₂ O 0,5; Dichloran 0.002; Rose bengal 0.025; Chloramphenicol 0.1; thạch 12-15	Chai 500g	Chai	1

5.	Thạch lactoza mật đỏ trung tính tím tinh thể (VRBL) VRB	Thành phần (g/l): Enzymatic Digest of Animal Tissues 7; Yeast Extract 3 ; Bile Salts 1.5; NaCl 5; Lactose 10; Neutral Red 0.03; Crystal Violet 0.002; agar 12-18	Chai 500g	Chai	2
6.	Thạch đếm đĩa(PCA)	Thành phần (g/l): Enzymatic Digest of Casein 5 Yeast Extract 2.5 D(+)Glucose 1 Agar 14	Chai 500g	Chai	2
7.	Dung dịch pepton/muối (Peptone salt solution)	Thành phần (g/l): Enzymatic digest of casein 1; sodium chloride 8.5	Chai 500g	Chai	2
8.	Thạch sunfit cycloserine (SC)	Thành phần (g/l): Peptone including enzymatic digest of casein 15; Enzymatic digest of soya 5; Yeast Extract 5; Sodium disulfite (sodium metabisulfite anhydrous 1; Iron(III) ammonium citrate 1; Agar 9-18	Chai 500g	Chai	3
9.	Thạch Slanetz và Bartley	Thành phần (g/l): - tryptose 20; yeast extract 5; di-Potassium hydrogen phosphate 4; D(+)-glucose 2; sodium azide 0.4;	Chai 500g	Chai	3

		2,3,5-triphenyltetrazolium chloride 0.1; agar 10			
10.	Composition of Cary Blair Transport Medium	Thành phần (g/l): - Disodium hydrogen phosphate 1,1 - Sodium thioglycollate 1,5 - Sodium chloride 5,0 - Agar 5 pH 8,4 ± 0.2 ở 25°C	Chai 500g	Chai	1
11.	Thạch CCA	Thành phần (g/l): Enzymatic digest of casein 1.0; Yeast extract 2; Sodium chloride 5; Sodium dihydrogenphosphate dihydrate 2.2; di-Sodium hydrogenphosphate 2.7; Tryptophane 1; Sodium pyruvate 1; Tergitol® 7 0.15; Sorbitol 1; Agar 9-18; 6-chloro-3-indoxyl-beta-D-galactopyranoside 0.2; Isopropyl-beta-D-thiogalactopyranoside 0.1; 5-bromo-4-chloro-3-indoxyl-D-glucuronic acid 0.1	Chai 500g	Chai	4
12.	Thạch CN	Thành phần (g/l): Enzymatic digest of gelatin 16, Casein hydrolysate 10, Potassium sulfate anhydrous 10, Magnesium chloride anhydrous 1,4, Agar 11,	Chai 500g	Chai	2

13.	Chất bổ sung CN	Thành phần (g/l): Hexadecyltrimetyl amoni bromua (cetrimide) 0,2, acid nalidixic 0,015	Hộp 10 vial	Hộp	4
14.	Thạch huyết cừu pha sẵn	Thành phần (g/l): Heart Muscle, Infusion from (solids) 2; Pancreatic Digest of Casein: 13; Yeast Extract: 5; Sodium Chloride: 5; Agar: 15. MEK Defibrinated Sheep Blood: 50ml; pH: 7.3±0.2 ở 25°C	Hộp 10 đĩa	Hộp	4
15.	Huyết tương thỏ	Thành phần: huyết tương thỏ đông khô	Hộp 6x3ml	Hộp	2
16.	Tryptophan Broth	Thành phần (g/l): Tryptone (Enzymatic digest of casein) 10; DL-Tryptophan 1; sodium chloride 5	Chai 500g	Chai	1
17.	Màng lọc mẫu	Làm bằng este cellulose, vô trùng, lỗ lọc 0,45µm, đường kính 47mm	100cái/hộp	Hộp	100
18.	Màng lọc mẫu	Chất liệu Cellulose Nitrate, đường kính 47 mm, kích thước lỗ lọc 0,2 µm;	100cái/hộp	Hộp	20

19.	Đĩa petri	Chất liệu thủy tinh, đường kính nắp trong 80mm x chiều cao 15mm, có thể chịu nhiệt	Cái	Cái	1000
20.	Túi dập mẫu có lọc Bagfilte	Vô trùng, kích thước lỗ lọc <250 micron	500cái/hộp	Hộp	3
21.	Ống nghiệm thủy tinh	Chất liệu thủy tinh, chịu nhiệt, 18 x 180mm	Cái	Cái	800
22.	Pipet thủy tinh	Pipet thẳng thủy tinh chia vạch 10ml, loại AS - Chất liệu: Thủy tinh - Dung tích: 10ml - Độ chia nhỏ nhất: 0.1ml	Cái	Cái	600
23.	Iso propanol for HPLC	Độ tinh khiết $\geq 99.9\%$; Baso ≤ 0.0002 meq/g; Nước $\leq 0.05\%$.	Chai 1 lít	Chai	1
24.	Đỏ Alizarin	PH 4.3 – PH 6.3 lightly yellow-pink , PH 9.4 – PH 12.0 Brown orange – Violet Tổn thất khi sấy khô (110°C) $\leq 10\%$	Lọ 100g	Lọ	1
25.	Kẽm sulfate	Độ tinh khiết 99.5 - 103.0 %; Clo $\leq 0.0005\%$; Asen $\leq 0.00005\%$; Nito tổng $\leq 0.0005\%$	Chai 500g	Chai	1
26.	NaHSO ₃	Độ tinh khiết 37.0 - 42.0 %	Chai 1 lít	Chai	1

27.	Dung dịch chuẩn độ KMnO_4 0.1N	Dung dịch chuẩn, nồng độ KMnO_4 sau khi pha loãng đến 1l, 0.1N	Chai 1 lít	Chai	2
28.	Ống chuẩn độ NH_4SCN 0.1N	Ống chuẩn, nồng độ NH_4SCN sau khi pha loãng đến 1 lít là: $c(\text{NH}_4\text{SCN}) = 0,1\text{mol/l}$	Ống	Ống	1
29.	N - Butanol	Độ tinh khiết $\geq 99,5\%$; Dibutyl ete $\leq 0,1\%(v/v)$; iso butanol $\leq 0.15\%(v/v)$; Fe $\leq 0,00001\%$; Boron $\leq 0.000002\%$;	Chai 1l	Chai	1
30.	MgO	Độ tinh khiết $\geq 97\%$; Cu $\leq 0,001\%$; Cacbonat $\leq 1,5\%$	Lọ 100g	Lọ	1
31.	K_2HPO_4	Độ tinh khiết $\geq 99.0\%$; Clo $\leq 0.003\%$; Nito tổng $\leq 0.001\%$	Chai 1kg	Chai	1
32.	K_2SO_4	Độ tinh khiết $\geq 99.0\%$; Chất không tan $\leq 0.01\%$; Nito tổng $\leq 0.0005\%$	Chai 1kg	Chai	1
33.	NaOH	Độ tinh khiết $\geq 99.0\%$; Cacbonat $\leq 1.0\%$; Asen $\leq 0.0001\%$; Đồng $\leq 0.0002\%$	Chai 1kg	Chai	1
34.	Natri Kali tartrate	Độ tinh khiết 99.0 - 102.0 % ; Chất không tan $\leq 0.005\%$; Kim loại nặng $\leq 0.0005\%$; Canxi $\leq 0.004\%$	Chai 1kg	Chai	1
35.	Kali meta bisulfite	Hóa chất phân tích M=222.32g/mol Nhiệt độ bảo quản: 2-30 độ C Độ tinh khiết $\geq 96\%$	Chai 500g	Chai	1
36.	$\text{CH}_3\text{COONa} \cdot 3\text{H}_2\text{O}$	Hóa chất phân tích Nhiệt độ bảo quản: 2-30 độ C Độ tinh khiết $\geq 99-101\%$ M= 136.08 g/mol	Chai 1Kg	Chai	1

37.	Đồng hạt	Kích thước hạt < 63µm Nhiệt độ bảo quản: 2-30 độ C	Lọ 250g	Lọ	1
38.	Dung dịch chuẩn Cl- 1000ppm	Dung dịch chuẩn Cl-1000 mg/l in H2O	Chai 500mL	Chai	1

PHỤ LỤC II: MẪU BÁO GIÁ

(Kèm theo Thư mời báo giá số /TM-KSBT ngày tháng năm 2025

của Trung tâm Kiểm soát Bệnh tật thành phố Hải Phòng)

Kính gửi: Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Hải Phòng

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Hải Phòng và khả năng cung ứng của Công ty, chúng tôi ...[Ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh], xin gửi báo giá như sau:

1. Báo giá cho hàng hóa liên quan:

STT	Danh mục hàng hóa	Ký, mã, nhãn hiệu, model, hãng sản xuất	Thông số kỹ thuật	Mã HS	Năm sản xuất	Xuất xứ	Quy cách	ĐVT	Số lượng/ Khối lượng	Đơn giá (VNĐ)	Chi phí cho các dịch vụ liên quan (VNĐ)	Thuế, phí, lệ phí (nếu có) (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
1													
2													
n													

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan)

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ...ngày, kể từ ngày.... tháng...năm[ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày kể từ ngày...]

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Giá trị của các hàng hóa nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.

- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

...., ngày.....tháng.....năm

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp

(Ký tên, đóng dấu)

